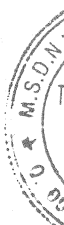


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB -
VINACOMIN**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 24

1001
CÔN
CH NH
DEL
VIỆT
ĐA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (SVIC) (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thế Bình

Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Lê

Phó Chủ tịch

Ông Trần Đỗ Thành

Thành viên

Ông Nguyễn Mạnh Điệp

Thành viên

Ông Bùi Đức Song

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Đức Song

Tổng Giám đốc

Ông Trần Hùng Phú

Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

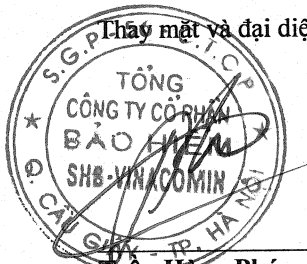
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hùng Phú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi chung là “Tổng Công ty”), từ trang 3 đến trang 24. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 04 tháng 4 năm 2012 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, phí nhượng tái và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm hàng quý được Tổng Công ty ước tính và ghi nhận dựa trên số liệu cùng kỳ năm trước, sau đó điều chỉnh theo số liệu thực tế vào quý sau. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm Tổng Công ty đã ước tính và ghi nhận cho quý II năm 2012 lần lượt là 16.703.600.000 đồng và 5.638.200.000 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu chưa được soát xét của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 do đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính bán niên của Tổng Công ty được soát xét.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		500.868.724.910	400.871.261.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		175.955.036.783	62.551.260.965
1. Tiền mặt tại quỹ	111		4.686.607.650	7.163.915.105
2. Tiền gửi ngân hàng	112		49.968.429.133	20.887.345.860
3. Các khoản tương đương tiền	114		121.300.000.000	34.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	185.781.191.000	245.552.611.799
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		41.754.589.617	94.920.289.315
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		157.000.000.000	165.200.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.973.398.617)	(14.567.677.516)
III. Các khoản phải thu	130		124.810.480.167	81.310.748.523
1. Phải thu của khách hàng	131	5	125.239.878.637	75.755.551.601
2. Trả trước cho người bán	132		4.541.135.325	3.869.767.298
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		450.660.120	439.260.271
4. Các khoản phải thu khác	138		1.994.452.694	3.140.022.205
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.415.646.609)	(1.893.852.852)
IV. Hàng tồn kho	140		1.123.507.788	443.173.168
1. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		1.069.797.606	390.299.350
2. Công cụ, dụng cụ tồn kho	143		53.710.182	52.873.818
V. Tài sản lưu động khác	150		13.198.509.172	11.013.466.608
1. Tạm ứng	151		12.383.871.406	9.606.180.322
2. Chi phí trả trước	152		708.436.810	1.290.332.837
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		106.200.956	116.953.449
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+240+243)	200		165.265.845.077	165.317.933.718
I. Tài sản cố định	210		39.988.837.681	41.720.586.886
1. Tài sản cố định hữu hình	211	6	39.658.808.799	41.057.510.499
- Nguyên giá	212		46.320.336.114	45.954.988.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(6.661.527.315)	(4.897.477.987)
2. Tài sản cố định vô hình	217		330.028.882	663.076.387
- Nguyên giá	218		1.995.000.000	1.995.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.664.971.118)	(1.331.923.613)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		108.000.000.000	110.850.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	7	108.000.000.000	110.850.000.000
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		12.598.755.186	12.598.755.186
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		6.598.755.186	6.598.755.186
IV. Tài sản dài hạn khác	243		4.678.252.210	148.591.646
1. Chi phí trả trước dài hạn	244		172.059.946	148.591.646
2. Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	245		4.506.192.264	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		666.134.569.987	566.189.194.781

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

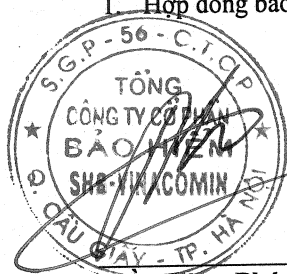
MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		339.740.171.462	233.206.213.410
I. Nợ ngắn hạn	310		118.707.507.451	39.343.074.318
1. Phải trả cho người bán	313	8	71.613.759.442	25.343.622.637
2. Người mua trả tiền trước	314		2.143.669.405	930.437.673
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	9	16.454.604.783	11.260.924.087
4. Phải trả công nhân viên	316		2.769.394.880	533.362.447
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	10	25.638.581.186	991.969.001
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		87.497.755	282.758.473
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	11	216.998.415.671	192.493.633.406
1. Dự phòng phí	331		113.891.159.658	115.016.595.133
2. Dự phòng bồi thường	333		81.076.489.710	59.701.530.448
3. Dự phòng dao động lớn	334		22.030.766.303	17.775.507.825
III. Nợ khác	340		4.034.248.340	1.369.505.686
1. Chi phí phải trả	341		4.034.248.340	1.369.505.686
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		326.394.398.525	332.982.981.371
I. Nguồn vốn, quỹ	410	12	326.394.398.525	332.982.981.371
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		2.953.542.089	2.953.542.089
3. Lợi nhuận chưa phân phối	418		23.440.856.436	30.029.439.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		666.134.569.987	566.189.194.781

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	33.192.451.778	28.626.599.146



Trần Hùng Phú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Vũ Anh Hoàng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02A-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		175.197.380.520	172.490.690.226
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		16.476.085.646	8.054.746.407
3. Các khoản giảm trừ:	03		49.831.516.913	36.248.903.357
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		48.305.213.801	35.309.580.171
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.526.303.112	929.095.525
- Các khoản giảm trừ khác	07		-	10.227.661
4. Tăng dự phòng phí	08	11	(1.125.435.475)	13.369.209.123
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		14.587.151.613	10.654.385.262
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		6.355.188.744	4.040.306.110
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		6.843.171.273	3.945.373.841
- Thu khác (đại lý, giám định...)	13		(487.982.529)	94.932.269
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		163.909.725.085	145.622.015.525
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		50.718.081.340	44.580.567.165
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		1.354.592.231	151.608.121
10. Các khoản giảm trừ:	17		4.366.312.786	2.087.087.354
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		4.343.502.786	1.730.105.081
- Thu đòi người thứ ba	19		-	356.456.273
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		22.810.000	526.000
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		47.706.360.785	42.645.087.932
12. Tăng dự phòng bồi thường	23	11	15.789.201.800	13.861.685.319
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	11	4.255.258.478	4.330.916.187
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		24.651.715.336	19.999.449.426
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		20.227.168.607	18.081.908.202
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		17.731.437.670	15.785.946.680
- Chi giám định tổn thất	28		622.656.421	531.932.171
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		96.062.997	-
- Chi đề phòng hạn chế tổn thất	32		873.136.033	818.970.000
- Chi khác	33		903.875.486	945.059.351
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		4.414.461.479	1.905.648.810
- Chi hoa hồng	35		4.219.676.444	1.900.277.652
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	36		99.414.592	5.371.158
- Chi khác	38		95.370.443	-
14.3 Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		10.085.250	11.892.414
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		92.402.536.399	80.837.138.864
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		71.507.188.686	64.784.876.661
17. Chi phí bán hàng	43		7.351.205.520	6.059.012.144
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		56.396.148.706	60.364.484.221
19. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		7.759.834.460	(1.638.619.704)
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	13	35.715.898.121	26.094.899.277
21. Chi phí hoạt động tài chính	47	14	9.192.287.855	1.983.029.760
22. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		26.523.610.266	24.111.869.517
23. Thu nhập hoạt động khác	52		117.011.366	7.186.682
24. Chi phí hoạt động khác	53		592.067.059	754.749
25. Lợi nhuận hoạt động khác	54		(475.055.693)	6.431.933
26. Tổng lợi nhuận kế toán	55		33.808.389.033	22.479.681.746
27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	15	13.060.789.522	5.619.920.437
27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60		(4.506.192.264)	-
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		25.253.791.775	16.859.761.309
29.5 Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	16	842	562



Trần Hùng Phú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Vũ Anh Hoàng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

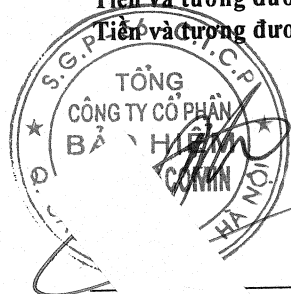
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	170.179.000.536	173.811.341.317
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	5.192.923.793	3.070.617.896
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	5.487.031.045	-
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(59.281.320.124)	(47.143.411.207)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(32.528.784.810)	(40.217.678.285)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(2.800.810.547)	(3.173.464.804)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(18.944.209.177)	(15.786.708.736)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(21.379.182.179)	(18.360.990.827)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(6.355.903.438)	(4.787.405.226)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(24.571.597.944)	(26.127.626.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.997.147.155	21.284.673.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	229.595.661.515	476.900.000.000
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	35.915.781.548	24.003.094.360
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(154.000.000.000)	(588.939.022.976)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(539.705.000)	(343.659.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	110.971.738.063	(88.379.587.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả cổ tức cho các cổ đông	35	(12.565.109.400)	(5.357.719.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.565.109.400)	(5.357.719.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	113.403.775.818	(72.452.633.557)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.551.260.965	86.849.843.631
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	175.955.036.783	14.397.210.074



Trưởng
Phó

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2012

Vũ Anh Hoàng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2008 và theo các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 300 tỷ đồng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và mười bốn (14) công ty thành viên trên cả nước, bao gồm: SVIC Hà Nội, SVIC Quảng Ninh, SVIC Hải Phòng, SVIC Bắc Sông Hồng, SVIC Nam Sông Hồng, SVIC Việt Bắc, SVIC khu vực Tây Bắc, SVIC Nghệ An, SVIC Bắc Miền Trung, SVIC Nam Miền Trung, SVIC Tây Nguyên, SVIC Sài Gòn, SVIC Gia Định và SVIC Thăng Long.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	Tầng 7, tòa nhà AC, lô A1A, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; kinh doanh, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản	100%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 348 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 343).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất; giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường; yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; quản lý quỹ và đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con và Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012
	đến ngày 30/6/2012
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	10
TSCĐ hữu hình khác	4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng tại Tổng Công ty, các chi nhánh và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS 10). Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty chưa đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này, việc đánh giá chỉ được thực hiện vào thời điểm cuối năm tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc chưa thực hiện đánh giá này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc: Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Tổng Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Tổng Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm:

Doanh thu nhận tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Tổng Công ty với các nhà nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu lịch sử của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Tổng Công ty ghi nhận hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Tổng Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng và tỷ lệ hoa hồng nhượng tái. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với các nhà nhận tái bảo hiểm, cũng giống như phí nhượng tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện ước tính hoa hồng nhượng tái bảo hiểm dựa trên số liệu của cùng kỳ năm trước cộng thêm tỷ lệ tăng trưởng nhất định. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm đã được Tổng Công ty ước tính cho quý II năm 2012 và ghi nhận vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 5.638.200.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận hoa hồng nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và không ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 của Tổng Công ty.

Đối với hoạt động khác:

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích; doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi nhận được thông báo chia cổ tức; các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm.

Dựa trên Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm”, Tổng Công ty ghi nhận chi phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Tổng Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với các nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện ước tính phí nhượng tái dựa trên số liệu của cùng kỳ năm trước cộng thêm tỷ lệ tăng trưởng nhất định. Phí nhượng tái bảo hiểm đã được Tổng Công ty ước tính cho quý II năm 2012 và ghi nhận vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 16.703.600.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận chi phí nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và không ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 của Tổng Công ty.

Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất được soát xét này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn kinh doanh hoặc tối thiểu 6 tỷ đồng, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009), theo đó:

Dự phòng phí: Mức trích lập dự phòng phí được tính bằng 25% số phí giữ lại trong kỳ đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá và bằng 50% số phí giữ lại trong kỳ đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm cả phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR): Theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, các công ty bảo hiểm phải trích lập dự phòng IBNR theo số liệu thống kê trong quá khứ. Tuy nhiên, do Tổng Công ty chưa có đủ dữ liệu thống kê nên đã được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp tính dự phòng IBNR bằng 1% phí giữ lại trong kỳ tại Công văn số 17121/BTC-QLBH ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông.

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Việc phân phối lợi nhuận sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng (i)	157.000.000.000	165.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10.000.000.000	22.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	110.000.000.000	90.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10.000.000.000	33.100.000.000
- Các tổ chức khác	7.000.000.000	-
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	31.500.000.000	43.500.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (iii)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	12.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu niêm yết	912.449.617	44.928.149.315
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết	9.342.140.000	6.492.140.000
	<u>198.754.589.617</u>	<u>260.120.289.315</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.973.398.617)	(14.567.677.516)
	<u>185.781.191.000</u>	<u>245.552.611.799</u>

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 3 tháng và sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất từ 9% - 14%/năm.
- (ii) Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam với mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 12%/năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn vào ngày 16 tháng 6 năm 2012. Trái phiếu được gia hạn và được thanh toán trong tháng 7 năm 2012.
- (iii) Là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long với số tiền là 30 tỷ đồng, lãi suất trái phiếu được tính bằng bình quân lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của 4 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cộng với lãi suất biên 4%/năm. Lãi trái phiếu được trả sau và được thanh toán một lần vào ngày 19 tháng 8 hàng năm. Trái phiếu đã đáo hạn vào ngày 19 tháng 8 năm 2012, tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được gốc và lãi năm cuối cùng của trái phiếu với số tiền tương ứng là 30 tỷ đồng và 4,74 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về khả năng thu hồi khoản gốc và lãi trái phiếu nêu trên trong giai đoạn Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long đang gặp khó khăn về tài chính, theo đó Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định mức dự phòng cần trích lập trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho gốc trái phiếu và lãi năm cuối cùng của trái phiếu lần lượt là 10 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ dự phòng 33,33% gốc trái phiếu) và 4.740.000.000 đồng (tương ứng 100% lãi trái phiếu năm cuối cùng).

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	22.168.747.527	16.240.221.651
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	8.163.223.402	2.730.565.335
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	68.665.386.068	34.268.920.002
Phải thu hoạt động tài chính	19.044.422.049	20.802.530.324
Phải thu khách hàng khác	7.198.099.591	1.713.314.289
	<u>125.239.878.637</u>	<u>75.755.551.601</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	30.189.452.727	11.996.668.486	3.728.807.273	40.060.000	45.954.988.486
Tăng trong kỳ	293.800.000	6.800.000	69.325.628	26.472.000	396.397.628
Giảm trong kỳ	-	-	(31.050.000)	-	(31.050.000)
Tại ngày 30/6/2012	30.483.252.727	12.003.468.486	3.767.082.901	66.532.000	46.320.336.114
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	301.894.527	2.366.341.227	2.193.048.465	36.193.768	4.897.477.987
Tăng trong kỳ	631.747.437	740.891.824	397.558.056	9.113.141	1.779.310.458
Giảm trong kỳ	-	-	(15.261.130)	-	(15.261.130)
Tại ngày 30/6/2012	933.641.964	3.107.233.051	2.575.345.391	45.306.909	6.661.527.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	29.549.610.763	8.896.235.435	1.191.737.510	21.225.091	39.658.808.799
Tại ngày 31/12/2011	29.887.558.200	9.630.327.259	1.535.758.808	3.866.232	41.057.510.499

7. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư trái phiếu dài hạn	108.000.000.000	108.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái (i)	53.000.000.000	43.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (ii)	25.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long (iii)	30.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	-	20.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết	-	2.850.000.000
Cộng	108.000.000.000	110.850.000.000

- (i) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định trong năm đầu, thả nổi trong các năm tiếp theo, lãi suất trái phiếu trong năm đầu là 20%/năm, lãi được trả 6 tháng/lần. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 11 năm 2014.
- (ii) Trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất trong năm đầu là 15,5%/năm, lãi suất trong các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng/lần với lãi suất được tính bằng lãi suất bình quân của 4 Ngân hàng: Vietcombank, BIDV, Agribank và Vietinbank cộng với 4,5%/năm. Lãi trái phiếu được trả 12 tháng/lần trong năm đầu tiên và 6 tháng/lần kể từ năm thứ 2 trở đi. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 8 năm 2013.
- (iii) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất trong kỳ đầu là 20%/năm, lãi suất trong các kỳ tiếp theo được thả nổi bằng lãi suất bình quân của 4 Ngân hàng: Vietcombank, BIDV, Agribank và Vietinbank cộng với 5,5%/năm. Lãi trái phiếu được trả 6 tháng/lần. Trái phiếu sẽ đáo hạn sau 02 năm kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2011 và có thể gia hạn 01 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	3.364.061.305	4.086.481.275
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	4.627.751.093	1.617.624.657
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	59.353.999.459	17.230.256.408
Phải trả khác cho người bán	4.267.947.585	2.409.260.297
	<u>71.613.759.442</u>	<u>25.343.622.637</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải nộp đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số còn phải nộp cuối kỳ</u>
	VND	VND	VND	VND
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.048.327.305	11.259.798.104	9.556.905.575	2.751.219.834
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.384.977.727	14.295.685.801	9.894.727.726	12.785.935.802
3. Các loại thuế khác	1.827.619.055	1.017.378.970	1.927.548.878	917.449.147
	<u>11.260.924.087</u>	<u>26.572.862.875</u>	<u>21.379.182.179</u>	<u>16.454.604.783</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	51.160.549	(3.173.815)
Bảo hiểm y tế	13.776.169	9.178.654
Kinh phí công đoàn	266.896.926	157.416.139
Phải trả cổ tức	17.765.928.000	331.037.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.540.819.542	497.510.623
	<u>25.638.581.186</u>	<u>991.969.001</u>

11. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	<u>31/12/2011</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>30/6/2012</u>
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí	115.016.595.133	(1.125.435.475)	-	113.891.159.658
Dự phòng bồi thường (*)	59.701.530.448	22.185.451.800	810.492.538	81.076.489.710
- Phần thuộc trách nhiệm của SVIC	38.873.037.910	15.789.201.800	-	54.662.239.710
- Phần thuộc trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm	20.828.492.538	6.396.250.000	810.492.538	26.414.250.000
Dự phòng dao động lớn	17.775.507.825	4.255.258.478	-	22.030.766.303
	<u>192.493.633.406</u>	<u>25.315.274.803</u>	<u>810.492.538</u>	<u>216.998.415.671</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (Tiếp theo)**

(*) Dự phòng bồi thường bao gồm:

- a. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Khoản dự phòng này được trích ở mức 79.658.070.217 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 26.414.250.000 đồng.
- b. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 1.418.419.493 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

12. NGUỒN VỐN, QUỸ**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	59.862.062	1.053.735.142	12.187.709.250	313.301.306.454
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	37.996.138.955	37.996.138.955
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(18.254.601.976)	(18.254.601.976)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	1.899.806.947	(1.899.806.947)	-
Tăng/(giảm) khác	-	(59.862.062)	-	-	(59.862.062)
Tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	-	2.953.542.089	30.029.439.282	332.982.981.371
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.253.791.775	25.253.791.775
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(29.439.282)	(29.439.282)
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Thuế phải nộp từ các năm trước	-	-	-	(1.812.935.339)	(1.812.935.339)
Tại ngày 30/6/2012	300.000.000.000	-	2.953.542.089	23.440.856.436	326.394.398.525

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 241/2012/NQ-SVIC-ĐHCB ngày 04 tháng 5 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã không thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011, trong đó có chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% (tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu). Hiện tại, Tổng Công ty đang tạm thời tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 10% (tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu) theo Nghị quyết số 302/2012/NQ-SVIC-HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. NGUỒN VỐN, QUỸ (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 300 tỷ đồng, tương đương với 30 triệu cổ phần. Danh sách các cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động		Số vốn thực góp đến 30/6/2012 (VND)
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	59.400.000.000	19,8%	59.400.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	30.000.000.000	10,0%	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	15.000.000.000	5,0%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	30.000.000.000	10,0%	30.000.000.000
Cổ đông khác	165.600.000.000	55,2%	165.600.000.000
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	19.665.206.614	15.026.484.342
Lãi trái phiếu	13.224.224.361	10.112.368.741
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.971.478.011	105.229.808
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	146.564.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	58.361.357	209.120.750
Doanh thu hoạt động tài chính khác	796.627.778	495.131.636
	35.715.898.121	26.094.899.277

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	8.978.429.358	1.841.326.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá	142.733.579	118.512.456
Chi phí hoạt động tài chính khác	71.124.918	23.191.208
	9.192.287.855	1.983.029.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	33.808.389.033	22.479.681.746
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	18.434.769.054	-
- Thu lao và phụ cấp Hội đồng Quản trị	410.000.000	-
- Khấu hao văn phòng	603.789.054	-
- Trích dự phòng đầu tư chứng khoán	12.680.980.000	-
- Trích dự phòng lãi trái phiếu không thu được	4.740.000.000	-
Lợi nhuận tính thuế	52.243.158.087	22.479.681.746
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	13.060.789.522	5.619.920.437
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ	13.060.789.522	5.619.920.437

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.253.791.775	16.859.761.309
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu	25.253.791.775	16.859.761.309
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi trên cổ phiếu	842	562

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

18. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG, VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến khoản yêu cầu bồi thường tổn thất chìm tàu Trà Lý 18 từ phía khách hàng là Xí nghiệp Vận tải biển Thái Thụy nhưng Tổng Công ty không chấp nhận bồi thường vì cho rằng tổn thất này không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty theo các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến vụ việc nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 7 tỷ đồng. Ảnh hưởng cuối cùng của vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.955.036.783	62.551.260.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.818.684.722	77.001.720.954
Đầu tư ngắn hạn	185.781.191.000	245.552.611.799
Đầu tư dài hạn	108.000.000.000	110.850.000.000
Tài sản tài chính khác	6.704.956.142	6.715.708.635
Tổng cộng	596.259.868.647	502.671.302.353
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	96.920.506.984	26.172.170.660
Dự phòng bồi thường	81.076.489.710	59.701.530.448
Công nợ tài chính khác	4.034.248.340	1.369.505.686
Tổng cộng	182.031.245.034	87.243.206.794

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	51.940.250.419	14.605.858.077	40.664.749.532	14.398.816.046
<i>Euro (EUR)</i>	1.674.385.239	-	1.711.361.645	-
<i>Ngoại tệ khác</i>	28.131.653	-	140.647.894	-

Rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2012	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	96.920.506.984	-	96.920.506.984
Dự phòng bồi thường	81.076.489.710	-	81.076.489.710
Công nợ tài chính khác	4.034.248.340	-	4.034.248.340
31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	26.172.170.660	-	26.172.170.660
Dự phòng bồi thường	59.701.530.448	-	59.701.530.448
Công nợ tài chính khác	1.369.505.686	-	1.369.505.686

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.955.036.783	-	175.955.036.783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.818.684.722	-	119.818.684.722
Đầu tư ngắn hạn	185.781.191.000	-	185.781.191.000
Đầu tư dài hạn	-	108.000.000.000	108.000.000.000
Tài sản tài chính khác	106.200.956	6.598.755.186	6.704.956.142
31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.551.260.965	-	62.551.260.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.001.720.954	-	77.001.720.954
Đầu tư ngắn hạn	245.552.611.799	-	245.552.611.799
Đầu tư dài hạn	-	110.850.000.000	110.850.000.000
Tài sản tài chính khác	116.953.449	6.598.755.186	6.715.708.635

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu phí bảo hiểm gốc		
- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và các công ty con	81.207.031.278	72.622.544.392
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc		
- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và các công ty con	18.905.387.143	16.801.674.381
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.062.659.107	3.722.989.646
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng	963.342.860	811.723.019

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng		
- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và các công ty con	4.973.590.273	4.839.037.837
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	830.986.110	1.318.844.444
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	128.400.993.250	57.906.809.351
Phải trả người bán		
- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và các công ty con	1.054.704.816	829.334.589

21. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 19 tháng 8 năm 2012, khoản gốc đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long với giá trị 30 tỷ đồng cùng với lãi năm cuối cùng với giá trị 4.740.000.000 đồng đã đáo hạn nhưng Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng về khả năng thu hồi khoản gốc và lãi trái phiếu này trước những thông tin liên quan đến khó khăn về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long và quyết định trích lập dự phòng với mức tổn thất tương ứng là 33,33% gốc trái phiếu và 100% lãi trái phiếu năm cuối, tương đương tổng giá trị là 14.740.000.000 đồng. Mức tổn thất này đã được Tổng Công ty điều chỉnh vào dự phòng giảm giá chứng khoán (cho phần gốc trái phiếu) và dự phòng phải thu khó đòi (cho phần lãi trái phiếu năm cuối cùng) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 năm 01 năm 2011 đến ngày 30 năm 6 năm 2011 chưa được soát xét do đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên của Tổng Công ty được soát xét.



Trần Hùng Phú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

A handwritten signature in black ink, likely belonging to Vũ Anh Hoàng.

Vũ Anh Hoàng
Kế toán trưởng